

Số: 119/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng  
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công tác xã hội,  
của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-KĐCL ngày 24/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-KĐCL ngày 24/10/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;*

*Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XIX ngày 12/11/2022 của Hội đồng,*

### QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công tác xã hội (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là **42** tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm **84%**, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên và Khoa Khoa học xã hội và nhân văn cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Đinh Văn Toàn**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 119/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					<b>Tiêu chuẩn 7</b>				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.1	4	3,80	4	80%
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	3			
Tiêu chí 2.2	3				<b>Tiêu chuẩn 8</b>				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100%
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		3,67	2	66,67%	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		4,00	3	100%	<b>Tiêu chuẩn 9</b>		3,80	4	80%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>		3,80	4	80%	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				<b>Tiêu chuẩn 10</b>				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4	4,00	6	100%
<b>Tiêu chuẩn 6</b>		3,86	6	85,71%	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	3				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				<b>Tiêu chuẩn 11</b>				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	3			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4	Tiêu chí 11.4	4						
					Tiêu chí 11.5	4	3,80	4	80%
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>		<b>Số tiêu chí đạt</b>			<b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt</b>				
		<b>42</b>			<b>84%</b>				

**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 119/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công tác xã hội (chương trình đào tạo) của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với chương trình đào tạo giai đoạn 2017-2021 cho thấy có những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo rõ ràng, tương đối phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia, thể hiện được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. Mục tiêu và chuẩn đầu ra được định kỳ điều chỉnh, có sự tham gia của các bên liên quan và được công bố công khai đến các bên liên quan. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần có đủ các thông tin cốt lõi, được định kỳ rà soát, cập nhật. Chương trình dạy học cơ bản được thiết kế theo chuẩn đầu ra, được rà soát, điều chỉnh, có tham khảo một số chương trình đào tạo tiên tiến trong nước và ý kiến của một số bên liên quan. Chương trình dạy học có cấu trúc cân đối, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành. Hoạt động dạy - học khá đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra và triết lý giáo dục. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy định, đảm bảo khách quan và công bằng, quy trình khiếu nại được tiếp cận dễ dàng. Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên bước đầu được quan tâm. Đội ngũ nhân viên được quy hoạch, được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình chuyên môn đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; kết quả thực hiện công việc được giám sát, đánh giá, ghi nhận để tạo động lực. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn người học rõ ràng. Hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động thực hành, thực tế, ngoại khóa, được chú trọng. Cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành được chú trọng đầu tư nhằm phục vụ đào tạo. Nhà trường cũng chú trọng đầu tư hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng internet, wifi ... nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Cảnh quan môi trường sạch, đẹp; điều kiện vệ sinh, an ninh, an toàn được cải tiến đáp ứng yêu cầu các bên liên quan. Hệ thống phản hồi lấy ý kiến của các bên liên được triển khai thực hiện có tính hệ thống, việc rà soát chương trình đào tạo, quá trình dạy - học và kiểm tra đánh giá được thực hiện theo quy định và theo kế hoạch, kết quả lấy ý kiến các bên liên quan được tiếp thu để cập nhật chương trình đào tạo. Tỷ lệ sinh viên có việc làm cao, đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương (với 92% SV người dân tộc thiểu số). Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chương trình đào tạo khá cao. Kết quả được đối sánh cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Khoa học xã hội và nhân văn cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Lấy ý kiến các bên liên quan đa dạng hơn, với quy mô mẫu lớn hơn để rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo một cách có hệ thống, thể hiện đầy đủ các thuộc tính khái quát của sinh viên tốt nghiệp như lĩnh vực công việc có thể đảm nhận với

những năng lực chung và chuyên biệt; cần xây dựng, điều chỉnh các chuẩn đầu ra phù hợp đối với các vị trí việc làm; thiết lập ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các học phần; diễn đạt chuẩn đầu ra cho chuẩn xác hơn, đảm bảo tính khả thi và có khả năng đo lường được; tăng cường phổ biến chuẩn đầu ra tới các bên liên quan, đặc biệt là người học và giảng viên để nắm bắt, tích cực, chủ động hơn nữa trong quá trình giảng dạy và học tập hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

2. Cấu trúc lại Bản mô tả chương trình đào tạo hợp lý hơn; bổ sung các nội dung đối sánh, tham chiếu nội bộ và bên ngoài để làm rõ hơn sự nổi trội của chương trình đào tạo; cần đa dạng hơn nữa các hình thức công khai Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần để các bên liên quan sử dụng hiệu quả hơn cho mục đích công việc của mình bên.

3. Nghiên cứu điều chỉnh tăng tính gắn kết giữa tất cả các học phần trong chương trình đào tạo, đồng thời phân luồng các khối kiến thức theo các nhóm việc làm, thiết kế thống nhất từ phần cơ sở ngành đến chuyên ngành và hướng dẫn người học lựa chọn phù hợp. Cần xây dựng ma trận phát triển kỹ năng, từ đó rà soát mức độ tương thích giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá của từng học phần với chuẩn đầu ra; điều chỉnh chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra; cần rà soát lại ma trận liên kết giữa phương pháp dạy học học phần với chuẩn đầu ra, đồng thời diễn đạt lại các chuẩn đầu ra cho chuẩn xác, phù hợp hơn; điều chỉnh các chuẩn đầu ra khó đo lường, tính khả thi thấp để tăng sự gắn kết giữa chương trình dạy học với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thể hiện thuyết phục hơn sự đóng góp của từng học phần cho việc đạt chuẩn đầu ra nhất định của chương trình đào tạo.

4. Căn cứ trên các thang đo năng lực để xác định các chuẩn đầu ra tương ứng, trên cơ sở đó thiết kế các hình thức, hoạt động dạy học phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra, lưu ý tập trung nhiều hơn cho các phương pháp dạy học kiến tạo; cần chú trọng hơn nữa việc rèn luyện nghiệp vụ công tác xã hội và phát triển các kỹ năng mềm cho sinh viên như giao tiếp xã hội, kỹ năng về công nghệ thông tin. Các hoạt động dạy học nên quan tâm hơn nữa tới việc lồng ghép để phát triển một số năng lực và phẩm chất cần thiết giúp người học thực hiện được việc học tập suốt đời như: tư duy phê phán, phản biện; tư duy logic, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá, sử dụng thông tin; tính hiếu học, niềm đam mê với tri thức.

5. Lựa chọn, xác định chuẩn xác mức năng lực chuẩn bị cụ thể cần đo lường đối với từng học phần; cần rà soát mức độ phù hợp của mỗi phương pháp đánh giá hiện tại dựa trên ma trận phát triển kỹ năng và chuẩn đầu ra để điều chỉnh. Đối với các học phần chuyên ngành nên sử dụng đa dạng hơn các loại hình đánh giá trực tiếp các năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tế, các năng lực tư duy bậc cao, mức độ rèn luyện các kỹ năng thực hành, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời, khả năng kiến tạo của người học; hạn chế việc tập trung quá nhiều cho hình thức tự luận. Tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi tiếp cận lý thuyết khảo thí hiện đại, khoa học đo lường đánh giá để đảm bảo độ tin cậy, độ phân biệt cho đề thi nhằm đánh giá được năng lực người học và mức độ đạt được chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo. Trong thời gian tới, cần thực hiện theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT về việc đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

6. Nghiên cứu điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, trong đó xác định các năng lực phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo để phục vụ hiệu quả hơn nữa cho công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và phát triển đội ngũ; có quy định và hướng dẫn, quy đổi khối lượng công việc phục vụ cộng đồng đối với giảng viên; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực, kết quả công việc

của giảng viên phù hợp với vị trí việc làm; nghiên cứu điều chỉnh cách thức phân công và giám sát khối lượng công việc của giảng viên để tránh tình trạng quá tải ở một số giảng viên và đảm bảo yêu cầu chuyên môn; điều chỉnh chính sách hỗ trợ, khuyến khích giảng viên đi học tiến sĩ và công bố quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học xã hội; chú trọng các hoạt động bồi dưỡng tập huấn nâng cao năng lực về khoa học giáo dục cho giảng viên.

7. Kịp thời cập nhật quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, viên chức và người lao động theo quy định mới của Nhà nước; cụ thể hóa Khung năng lực trong Đề án Vị trí việc làm thành tiêu chí đánh giá năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giải quyết công việc của nhân viên; triển khai và sử dụng có hiệu quả ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập và trợ lý khoa; có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên gắn với từng vị trí việc làm cụ thể; cần quy định và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc xây dựng và đánh giá thực hiện, có khảo sát sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về đánh giá và thực hiện thi đua khen thưởng để cải tiến.

8. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, chính sách đặc biệt để thu hút thí sinh xuất sắc vào học; phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cần cung cấp cho thị trường lao động phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; khảo sát hằng năm lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên và cựu sinh viên về tính rõ ràng, phù hợp của phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học của chương trình đào tạo; làm tốt hơn nữa công tác cảnh báo học vụ theo từng học kỳ, thông báo kết quả học tập để giúp người học điều chỉnh kế hoạch/thời gian học tập phù hợp; xây dựng công cụ phân tích cơ sở dữ liệu kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên và định kỳ khảo sát mức độ hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, cũng như về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường, Khoa để cải tiến; đẩy mạnh và đa dạng hoá công tác hướng nghiệp, khơi dậy lòng yêu nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên theo Thông tư 07/2022/TT-BGDĐT; nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng mềm, đẩy mạnh việc truyền tải tinh thần đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp cho sinh viên.

9. Xem xét tối ưu hóa phòng làm việc và phòng thực nghiệm, trang thiết bị; cải tiến cơ chế quản lý vật tư, thiết bị, trang thiết bị khi phân cấp tới các bộ môn; quy hoạch khu vực đỗ xe ô tô và nhà xe cho cán bộ và sinh viên của trường, có hệ thống biển báo, chỉ dẫn, đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường; nên xem xét thiết kế hệ thống phủ sóng mạng wifi phù hợp theo địa hình từng khu vực nhằm tăng hiệu suất sử dụng; đẩy mạnh đổi mới phương thức giảng dạy kết hợp; đẩy mạnh tiến độ xây dựng bài giảng điện tử; tăng cường giám sát dịch vụ bảo vệ, vệ sinh để đảm bảo chất lượng dịch vụ trong khuôn viên trường và khu vực ký túc xá; có hệ thống và cơ chế xử lý thông tin phù hợp, nhằm cải tiến chất lượng các công tác này.

10. Tăng cường phổ biến tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức của mọi cán bộ, giảng viên, người học về các hoạt động đảm bảo chất lượng nói chung và các hoạt động khảo sát, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan nói riêng; cần tiếp tục cải tiến công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan phục vụ cho việc rà soát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo: mở rộng có chọn lọc phạm vi và đối tượng khảo sát trên cơ sở phân tích cơ sở dữ liệu việc làm của sinh viên tốt nghiệp; chuẩn hoá bộ công cụ khảo sát đảm bảo độ giá trị và tin cậy; áp dụng các kỹ thuật phân tích kết quả khảo sát kết hợp định lượng và định tính để cung cấp các thông tin hữu ích cho việc điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình dạy học; cần định kỳ thực

hiện khảo sát chuyên đề về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường; tăng cường thu thập thông tin qua các câu hỏi mở; phân tích sâu kết quả khảo sát để xác định chính xác những tồn tại cần xử lý, nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan; có các chính sách cụ thể để khuyến khích cán bộ, giảng viên và người học thực hiện các đề tài nghiên cứu giúp cải thiện việc dạy-học như cập nhật nội dung học phần, bổ sung học liệu, cải tiến phương pháp dạy và học.

11. Cần có sự điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt và liên ngành để đáp ứng nhu cầu của người học và các nhà tuyển dụng, đặc biệt là yêu cầu thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và yêu cầu ngày càng cao của các nhà tuyển dụng khu vực tư nhân và liên doanh; quan tâm đến đào tạo cá thể hóa và năng lực học tập suốt đời. Văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, nhất là các đổi mới sáng tạo xã hội, cần được thúc đẩy mạnh mẽ để tăng cường khả năng thích ứng của công dân trong kỷ nguyên mới và để khắc phục các điểm hạn chế của sinh viên ngành công tác xã hội hiện nay về sự kết hợp hàn lâm và thực tiễn; xem xét thể mở rộng ứng dụng và thực hành các môn học này; quan tâm đến việc quản trị kết quả đầu ra đối với chương trình đào tạo có tỷ lệ sinh viên dân tộc thiểu số cao.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, Khoa Khoa học xã hội và nhân văn cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công tác xã hội gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

-----